

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 56/2020/HSST

Ngày: 13 - 8 - 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bảo

2. Bà H Lum Niê

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cum'gar.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Mỹ Châu, chức vụ Kiểm sát viên*

Hôm nay, ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 56/2020/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/HSST-QĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trương Đức Q ;

Sinh ngày 26/8/1999; tại tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không;
Dân tộc: Mường; Con ông: Trương Văn B, sinh năm: 1970 và con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1966. Hiện ông bà đang sinh sống và làm nông tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nhân thân: Ngày 29/7/2016 bị Công an xã Ea Tar, huyện Cum'gar xử phạt hành chính Cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích;

Ngày 16/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Cumgar xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 70/2017/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/4/2020, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Minh T

Sinh ngày: 17/8/1999 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không; Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Văn Thức, sinh năm: 1975 và con bà: Ngô Thị Y, sinh năm: 1978. Hiện ông bà đang sinh sống và làm nông tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nhân thân: Ngày 09/01/2020 bị Ủy ban nhân dân xã EaKiết ra Quyết định số 06/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy

Ngày 19/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện CưM'gar xử phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 28/2020/HS-ST.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/2/2020, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Anh Trần Trí D, sinh năm 1999 (có mặt)

Trú tại: 144 Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1967 (có mặt)

Trú tại: 144 Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Trú tại: 144 Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Chị Phạm Thị Thanh T2, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Trú tại: 103 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Anh Cao Tiến C1, sinh năm 1985 (có mặt)

Trú tại: 253 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Anh Trần Lương Ngọc H, sinh năm 1996 (có mặt)

Trú tại: 224 X, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- **Người làm chứng:** Anh Trần Cao N, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 02/3/2019, Nguyễn Minh T cùng với Trần Cao N đi đến nhà Trương Đức Q tại Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để cùng nhau ăn nhậu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày T, N, Q đi trên 01 xe mô tô của gia đình Q đến quán Internet Moon tại thôn B, xã E, huyện C làm chủ để cùng nhau chơi Internet. Khi đến quán Internet thì gặp Trần Trí D và N1 (chưa rõ nhân thân lai lịch) cùng một số người khác đang ngồi chơi Internet tại đây. Trong lúc đang ngồi chơi thì Q phát sinh mâu thuẫn với N1 nên N1 đã gọi một số người khác đến để đánh Q thì Q bỏ chạy và cầm theo chìa khóa xe của Q. Khoảng 30 phút sau, Q gọi điện thoại cho N để gặp T, Q nói T mượn xe mô tô của D để T chở Q về nhà và T đồng ý. Vì có quen biết với nhau từ trước nên D đã đồng ý cho T mượn xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 126.39 để T đi chở Q. Sau khi mượn được xe mô tô, T điều khiển xe đi tìm Q và gặp Q đang đi bộ ở ngoài đường, T chở Q về nhà. Tuy nhiên, Q sợ bị N1 kéo người đến nhà đánh nên đã nhờ T chở ra ngoài thị trấn Quảng Phú,

huyện CũM'gar để lánh mặt N vài ngày thì được T đồng ý. Trên đường đi đến khu vực cầu 2 thuộc xã CũM'gar, huyện CũM'gar thì xe hết xăng nên T và Q phải dắt bộ đi tìm cây xăng. Trong lúc ngồi đợi chủ cây xăng mở cửa thì Q đã rủ T mang xe đi cầm cố lấy tiền tiêu xài thì được T đồng ý. Đến sáng ngày 03/3/2019 T liên hệ với bạn là Phạm Thị Thanh T2 để nhờ T2 cầm cố xe thì được T2 đồng ý. T2 hẹn T và Q ở đường Mai Hắc Đế, thành phố Buôn Ma Thuột để nói chuyện việc cầm cố xe. Sau đó, T2 và Trần Lương Ngọc H đi cùng T2 đến gặp T và Q. Vì trong cốp xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 126.39 có giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Ngọc P đứng tên chủ sở hữu và Q có nhận chiếc xe mô tô là của gia đình Q và nhờ mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài nên H đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mang đến tiệm sửa xe Yamaha Út tại số 253 đường Lê Thánh Tông, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk do Cao Tiến C làm chủ để nhờ anh C nhận cầm xe với giá 4.000.000 đồng thì được anh C đồng ý. Sau khi nhận được số tiền cầm cố xe thì H đưa tiền cho T2 và T2 đưa T bộ số tiền trên cho T, lúc nhận tiền thì T có cho T2 200.000 đồng. Sau khi có tiền thì T và Q đi đến chợ thành phố Buôn Ma Thuột mua mỗi người một cái quần Jean, rồi cùng nhau ăn uống tiêu xài trên thành phố Buôn Ma Thuột. Khi về đến thị trấn Quảng Phú, huyện CũM'gar, tỉnh Đắk Lắk thì T chia cho Q 1.200.000 đồng, số tiền còn lại thì T giữ để tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44 ngày 21/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện CũM'gar kết luận: 01 xe mô tô Wave RSX, biển số: 47H1- 126.39, mua năm 2013. Giá trị còn lại là 10.500.000 đồng

Tại bản cáo trạng số 51/KSĐT-HS ngày 17/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện CũM'gar đã truy tố bị cáo Trương Đức Q, Nguyễn Minh T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận T bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CũM'gar đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Đức Q, Nguyễn Minh T như nội dung cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Đức Q, Nguyễn Minh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Đức Q từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày 29/4/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 9 đến 12 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt đối với bản án số 28/2020/HSPT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CũMgar xử phạt 09 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Giữ nguyên như nội dung bản cáo trạng.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện CuM'gar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CuM'gar, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trương Đức Q, Nguyễn Minh T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và phù hợp các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 3 năm 2019 tại thôn 10, xã Ea Kiết, huyện CuM'gar, tỉnh Đắk Lắk, Trương Đức Q và Nguyễn Minh T đã lợi dụng lòng tin của anh Trần Trí D để mượn xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 126.39 sau đó mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, giá trị tài sản là 10.500.000 đồng thì bị phát hiện xử lý.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trương Đức Q, Nguyễn Minh T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm. Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức, các bị cáo phải biết tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4]. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo Q và bị cáo T cùng thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo Q năm 2017 có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bị Tòa án nhân dân huyện CưMgar xử phạt 01 năm 10 tháng tù phải chấp hành án nhưng bị cáo vẫn không lấy đó là bài học cho bản thân lại khởi xướng, rủ rê bị cáo T tham gia thực hiện tội phạm, bị cáo T tham gia với hành vi cầm cố tài sản nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp với hành vi của mỗi bị cáo, mức hình phạt đối với bị cáo Q sẽ nặng hơn mức hình phạt đối với bị cáo T.

[5]. Về nhân thân, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo: Bị cáo Trương Đức Q, Nguyễn Minh T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo T bộ hành vi phạm tội của mình, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 cần áp dụng khi lượng hình đối với các bị cáo. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Minh T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo Trương Đức Q là người dân tộc thiểu số được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Trương Đức Q ngày 29/7/2016 bị Công an xã Ea Tar, huyện CưM'gar xử phạt hành chính Cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích; Ngày 16/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện CưMgar xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 70/2017/HSST, lúc phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên không áp dụng án tích đối với bị cáo trong vụ án này.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh T ngày 09/01/2020 bị Ủy ban nhân dân xã EaKiết ra Quyết định số 06/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 19/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện CưM'gar xử phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo bản án số 28/2020/HS-ST.

Với tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[6] **Về vật chứng:** Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47H1- 126.39.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Trí D yêu cầu Trương Đức Q, Nguyễn Minh T bồi thường số tiền 10.500.000 đồng. Xét các bị cáo cùng nhau phạm tội, yêu cầu bồi thường của người bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cần buộc bị cáo Q và bị cáo T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 10.500.000 đồng.

Trong vụ án này, đối với Phạm Thị Thanh T2 và Trần Lương Ngọc H, khi được T và Q nhờ đi cầm cố xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 126.39 thì T2, H không biết chiếc xe trên là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Cao Tiến C (chủ tiệm sửa xe Yamaha Út) khi nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 126.39 thì C không biết tài sản trên do phạm tội mà có, đồng thời trong quá trình điều tra chưa thu giữ được chiếc xe trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar tiếp tục xác minh, khi nào có đủ căn cứ thì sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra bà Lê Thị T1 là mẹ của anh Trần Trí D khai có để trong cốp xe 14.500.000 đồng trước thời điểm anh D bị Q và T lạm dụng chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát: 47H1- 126. Tuy nhiên, việc bà T1 trình bày như trên chỉ có duy nhất lời khai của bà T, ngoài ra không có tài liệu nào khác chứng minh việc bà T để tiền ở trong cốp xe mô tô nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo Q, T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trương Đức Q , Nguyễn Minh T** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Đức Q **01** (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/4/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T **09** (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 28/2020/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CưMgar xử phạt 09 tháng tù. Hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành tổng cộng: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/02/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 41, 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Trương Đức Q cùng bị cáo Nguyễn Minh T liên đới bồi thường cho anh Trần Trí Dũng số tiền 10.500.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trương Đức Q và Nguyễn Minh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trương Đức Q và bị cáo Nguyễn Minh T liên đới phải chịu 525.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLak ;
- Sở Tư pháp ĐắkLak;
- Vụ giám đốc kiểm tra I;
- VKS huyện CưM'gar;
- CA huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự;
- Thi hành án HS ;
- Bị cáo; bị hại,
người liên quan;
- Lưu văn thư; hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Huyền Diệu